

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt "Chương trình Phát triển vùng huyện
Nhu Thanh - năm tài chính 2017" do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP, ngày 01/3/2012 của Chính phủ Về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo ngày 5 tháng 9 năm 2017 của tổ chức Tầm nhìn Thế giới về ngân sách của Chương trình Phát triển vùng huyện Nhu Thanh - năm tài chính 2017;

Xét đề nghị tại Tờ trình số: 18/TTr-SNgV ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Ngoại vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển vùng huyện Nhu Thanh - năm tài chính 2017, do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ, với những nội dung chính sau:

1. Tên chương trình: Chương trình Phát triển vùng huyện Nhu Thanh - năm tài chính 2017.

2. Cơ quan thực hiện:

- Phía địa phương: UBND huyện Nhu Thanh, tỉnh Thanh Hoá.

- Phía nhà tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện:

Tại 04 xã: Phụng Nghi, Thanh Tân, Xuân Thái, Yên Lạc, huyện Nhu Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguồn tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn thế giới Hồng Kông.

5. Mục tiêu của chương trình: Duy trì an sinh trẻ em, đặc biệt là trẻ dễ bị tổn thương nhất tại huyện Nhu Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

6. Các hoạt động chính của chương trình: Có Kế hoạch hoạt động kèm theo tại Phụ lục.

7. Kinh phí chương trình năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ: 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ). Có chi tiết kinh phí chương trình kèm theo tại Phụ lục.

Điều 2. Vật tư, hàng hoá, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn tiền viện trợ của dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT theo các Quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Như Thanh:

- Phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới phân công trách nhiệm các bên liên quan; chỉ đạo các phòng, ban liên quan của huyện và các xã dự án triển khai thực hiện chương trình; chỉ đạo các xã có dự án đóng góp kinh phí, vật tư đối ứng và công lao động tham gia dự án theo cam kết với Tổ chức tài trợ.

- Chịu trách nhiệm về quản lý chương trình trên địa bàn huyện; thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ theo đúng Nghị định số: 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, đảm bảo kinh phí của dự án được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan chức năng theo Quy định hiện hành việc thực hiện dự án.

2. Giao các Sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Y tế; Công an tỉnh quản lý dự án theo chức năng nhiệm vụ; đồng thời, hỗ trợ Ban Quản lý chương trình huyện Như Thanh thực hiện dự án theo Quy định hiện hành.

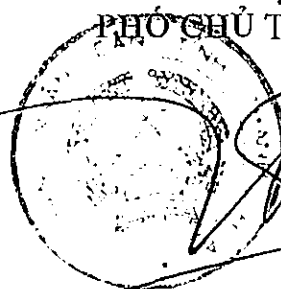
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Y tế; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- UB Công tác PCP NN (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổ chức TNTG;
- Lưu: VT, THKH.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thên

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN NHƯ THANH - NĂM TÀI CHÍNH 2017
(Kèm theo Quyết định số 3525 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mã hoạt động					Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu	Tổng ngân sách	Địa phương đối ứng (USD)
									Đô la Mỹ (USD)	
Mục tiêu Chương DỰ ÁN Y TẾ					Duy trì an sinh trẻ em, đặc biệt là trẻ dễ bị tổn thương nhất tại huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hóa	Mã dự án: V204853				
Mục tiêu dự án 1					Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thông qua các cách tiếp cận lồng ghép	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể chiều cao (thấp còi) ở trẻ dưới 5 tuổi				
						Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể cân nặng ở trẻ dưới 5 tuổi				
						Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc ở trẻ dưới 5 tuổi				
Kết quả 1.1					Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn dinh dưỡng (thức ăn) cho các hộ gia đình mục tiêu	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận đủ các nguồn thực phẩm đa dạng trong năm				
Đầu ra 1.1.1					Nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất lương thực cho hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi	Số đối tác địa phương có thể kể tên các kiến thức về kỹ thuật đã được đào tạo				
						Số người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi có kỹ năng về thực hành dinh dưỡng				
1	1	1	1	Tổ chức tập huấn cho đội ngũ nguồn và đối tác địa phương về mô hình sản xuất thực phẩm an toàn	Số người chăm sóc trẻ tham gia tập huấn					
1	1	1	2	Tổ chức các khoá tập huấn và các hoạt động nâng cao năng lực cho các bên liên quan ở cấp cơ sở	Số khóa tập huấn được thực hiện					
				Tổng đầu ra 1.1.1						
Đầu ra 1.1.2					Tăng khả năng tiếp cận với đầu vào nông nghiệp để áp dụng mô hình nông nghiệp	Số mô hình được áp dụng		1		
1	1	2	1	Hỗ trợ vườn rau dinh dưỡng cho các hộ gia đình nghèo có trẻ dưới 5 tuổi trong Câu lạc bộ dinh dưỡng	Số hộ gia đình được nhận gà		40			
				Tổng đầu ra 1.1.2						
				Tổng kết quả 1.1						
Kết quả 1.2					Cải thiện chăm sóc sức khoẻ trẻ em và thực hành dinh dưỡng cho các bà mẹ và người chăm sóc trẻ em cho trẻ dưới 5 tuổi	Tỷ lệ % trẻ được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu				
						Tỷ lệ % trẻ dưới 5 tuổi mắc tiêu chảy đã được điều trị đúng cách				
						Tỷ lệ % Trẻ <5 tuổi bị mắc bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp trong 2 tuần được đưa đến trung tâm y tế thích hợp				

Đầu ra 1.2.1				Nâng cao kiến thức cơ bản và kỹ năng truyền thông về dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em cho các đối tác địa phương	Số đối tác địa phương có kiến thức cơ bản về dinh dưỡng				
1	2	1	1	Tập huấn nâng cao kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế xã; y tế thôn và Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ dinh dưỡng tại 8 thôn mục tiêu.	Số cán bộ y tế thôn tham gia tập huấn				
1	2	1	2	Tổ chức các tập huấn về mô hình PD/Heart	Số cán bộ y tế xã và y tế thôn tham gia tập huấn				
1	2	1	3	Tổ chức Tập huấn về cách tư vấn chăm sóc sức khỏe trẻ em cho bà mẹ mang thai tại các hộ gia đình.	Số nhân viên y tế và đối tác địa phương tham gia tập huấn				
1	2	1	4	Tiến hành cuộc thi "Cán bộ truyền thông giỏi" về chăm sóc sức khỏe trẻ em cho cán bộ y tế thôn, xã	Số người tham gia hội thi				
				Tổng đầu ra 1.2.1					
Đầu ra 1.2.2				Cải thiện kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	Số bà mẹ và người chăm sóc, bao gồm phụ nữ mang thai và người chăm sóc nếu được các thực hành cốt lõi về dinh dưỡng trẻ em	Q3,4	80		
1	2	2	1	Thành lập câu lạc bộ dinh dưỡng (CLBDD) tại thôn mới	Số Phụ nữ có thai và người chăm sóc đã tham dự các sự kiện	Q3,4	4	\$	1.000
1	2	2	2	Cung cấp thiết bị cần thiết cho các câu lạc bộ dinh dưỡng mới thành lập (băng, tủ, máy xay, chậu, chảo, thìa)	Số thiết bị thiết bị cần thiết được cung cấp cho các CLBDD	Q3,4	4		\$ 400
1	2	2	3	Hỗ trợ đầu vào cần thiết để đa dạng hóa nguồn thức ăn bổ dưỡng có sẵn cho trẻ em trong các CLBDD	Số CLBDD được hỗ trợ	Q3,4	4	\$	200 \$ 1.200
1	2	2	4	Tổ chức các cuộc họp phản hồi với các thành viên chủ chốt của các câu lạc bộ dinh dưỡng; trạm y tế xã và trung tâm y tế huyện.	Số cuộc họp được thực hiện	Q3,4	4	\$	400 \$ 364
1	2	2	5	Cung cấp các khóa đào tạo về đo lường CWT 3 cho đối tác địa phương	Số cán bộ y tế tham gia khóa đào tạo về CWT 3				
1	2	2	6	Hỗ trợ giám sát cán bộ y tế xã và thôn tại địa phương đo lường CWT 3	Số biểu đồ giám sát tăng trưởng của trẻ được hỗ trợ				
				Tổng đầu ra 1.2.2				\$	1.600
				Tổng kết quả 1.2				\$	1.600
Kết quả 1.3				Cải thiện thực hành Nước sạch & Vệ sinh môi trường (WASH)	Tỷ lệ nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em dưới 6 tuổi				
Đầu ra 1.3.1				Nâng cao kiến thức và kỹ năng cơ bản của các đối tác địa phương và người chăm sóc trẻ về nước sạch vệ sinh môi trường (WASH)	Số hộ gia đình cải thiện nhà tiêu hợp vệ sinh				
1	3	1	1						
1	3	1	2						
1	3	1	3						
				Tổng đầu ra 1.3.1				\$	-
				Tổng kết quả 1.3				\$	1.600

Tổng ngân sách cho hoạt động								\$	3.706		
				Chi phí chương trình		Q3,4		\$	1.750		
9	0	1	1	02 máy tính để bàn cho nhân viên		Q3,4		\$	1.756		
9	0	1	1	Nâng cấp, trang thiết bị văn phòng		Q3,4		\$	200		
Chi phí gián tiếp								\$	914		
95.21.01				Chi phí hỗ trợ của dự án Y tế		Q3,4		\$	554		
95.21.01				Chi phí kỹ thuật của dự án Y tế		Q3,4		\$	203		
95.21.01				Chi phí vận hành dự án Y tế		Q3,4		\$	82		
95.21.01				Chi phí vận hành dự án Y tế		Q3,4		\$	75		
Tổng cộng ngân sách của dự án Y tế								\$	6.220		
DỰ ÁN BẢO TRỢ VÀ BẢO VỆ TRẺ EM				Mã dự án: V204852							
Mục tiêu dự án 2		Thúc đẩy tình yêu thương, cộng đồng và gia đình an toàn ở nơi trẻ được an toàn và tham gia tích cực		% Cha mẹ hoặc người chăm sóc cho rằng cộng đồng của họ là nơi an toàn cho trẻ em							
				% Thanh thiếu niên cảm thấy rằng cộng đồng của họ là một nơi an toàn							
				% Trẻ <5 trẻ được tiêm chủng đầy đủ							
				% Trẻ em tiểu học đi học thường xuyên							
Kết quả 2.1		Cải thiện các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại gia đình và cộng đồng.		% Các thực hành truyền thống hoặc phong tục lạc hậu không còn là chuẩn mực trong cộng đồng		30%					
Đầu ra 2.1.1		Mạng lưới cộng đồng về chăm sóc và bảo vệ trẻ được thành lập và hoạt động ở cấp huyện / xã / thôn.		Số mạng lưới bảo vệ trẻ em tại cộng đồng hoạt động hiệu quả	Q4	4					
2	1	1	1	Tổ chức họp phản hồi cho các ban bảo vệ trẻ em để xem xét, lập kế hoạch hỗ trợ trẻ em dễ bị tổn thương	Số cuộc họp được tổ chức	Q3,4	120	\$	600	\$ 1.818	
				Tổng đầu ra 2.1.1				\$	600		
Đầu ra 2.1.2		Kiến thức liên quan đến giám sát an sinh trẻ em được cung cấp cho thành viên mạng lưới ban bảo vệ trẻ em (bao gồm cả gia đình trẻ)		Số thành viên mạng lưới ban bảo vệ trẻ em cấp thôn có thể hiểu biết cơ bản về chăm sóc và bảo vệ trẻ em	Q3	50					
2	1	2	1	Tổ chức khảo sát sanh sách trẻ em dễ bị tổn thương	Số trẻ dưới 18 tuổi được tham gia						
Công việc 1		Tổ chức tập huấn rà soát thông tin trẻ em dễ bị tổn thương			Q3	65	\$	600	\$	182	
Công việc 2		Tiến hành thực địa khảo sát dữ liệu trẻ em dễ bị tổn thương			Q3	5000	\$	660	\$	200	
				Tổng đầu ra 2.1.2				\$	1.260		
				Tổng kết quả 2.1				\$	1.860		
		Tăng cường sự đóng góp của trẻ em như tác		% Trẻ em tham gia trong các câu lạc bộ hoặc tổ nhóm							

Kết quả 2.2				nhân thay đổi trong gia đình/cộng đồng và các nhà tài trợ	% Trẻ em và thanh thiếu niên cảm thấy rằng họ tham gia có ý nghĩa trong việc ra quyết định cộng đồng				
Đầu ra 2.2.1				Câu lạc bộ trẻ em được thành lập và được hỗ trợ hoạt động tốt	Số câu lạc bộ trẻ em vận hành hiệu quả	Q3	2		
					Số sáng kiến của trẻ em được thực hiện	Q3	1		
2	2	1	1	Duy trì 2 câu lạc bộ trẻ ở xã Phượng Nghi	Số câu lạc bộ trẻ được duy trì	Q3	2	\$ 400	\$ 200
2	2	1	2	Hỗ trợ câu lạc bộ trẻ phát triển các dự án do trẻ khởi xướng (Truyền thông về phòng tránh tai nạn thương tích cho trường trung học cơ sở Phượng Nghi)	Số dự án nhỏ được thực hiện	Q3	1	\$ 200	\$ 100
				Tổng đầu ra 2.2.1				\$ 600	
Đầu ra 2.2.2				Cung cấp các hoạt động ngoại khóa và các sáng kiến để nâng cao kỹ năng sống cho trẻ em	% trẻ bảo trợ có kỹ năng sống thông qua các hoạt động ngoại khóa và sáng kiến	Q3,4	200		
2	2	2	1	Hợp giao ban thường kỳ câu lạc bộ trẻ em	Số trẻ em tham gia	Q3,4	2	\$ 200	\$ 150
2	2	2	2	Hỗ trợ thực hiện các lớp bơi lội, hội thi mùa hè an toàn cho trẻ em ở xã Cán Khê và Phượng Nghi	Số sáng kiến mềm được thực hiện	Q3,4	200	\$ 2.000	\$ 400
				Tổng đầu ra 2.2.2				\$ 2.200	
Đầu ra 2.2.3				Sáng kiến bảo trợ 2.0 được thực hiện tại ADP cho sự cam kết với nhà tài trợ	Số sáng kiến bảo trợ 2.0 được thực hiện	Q3	2		
2	2	3	1						
2	2	3	2						
				Tổng đầu ra 2.2.3				\$.	
				Tổng kết quả 2.2				\$ 2.800	
Kết quả 2.3				Tăng cường sự đóng góp của truyền thông bảo trợ hướng đến an sinh trẻ em (trong cả đời đồng vật chất và tinh thần)	% trẻ đồng ý rằng các hoạt động bảo trợ có ý nghĩa với chúng				
Đầu ra 2.3.1				Quá trình truyền thông bảo trợ đơn giản, vui vẻ và có ý nghĩa	% thư đáp ứng tiêu chuẩn	Q3,4	97		
2	3	1	1						
2	3	1	2						
				Tổng đầu ra 2.3.1				\$ -	
Đầu ra 2.3.2				Thông tin và dữ liệu về an sinh trẻ bảo trợ được cập nhật, sử dụng và phản hồi trong chương trình và cộng đồng	Số trường hợp được theo dõi tích cực	Q2,Q4	64		
2	3	2	1	Tổ chức tập huấn, làm hồ sơ, chụp ảnh trẻ bảo trợ	Số trẻ bảo trợ được lấy		1500	\$ 2.700	\$ 200

2	3	2	2	Hỗ trợ trẻ dễ bị tổn thương nhất (xe lăn cho người khuyết tật, sinh kế cho trẻ và gia đình trẻ, xe đạp cho trẻ đến trường...) sau thảm tr	Số trường hợp nhận được hỗ trợ sau giám sát thăm trẻ	60	\$	10.619	\$	600
2	3	2	3	Phí bưu điện, in ấn tài liệu			\$	2.300		
				Tổng đầu ra 2.3.2			\$	15.619		
				Tổng kết quả 2.3			\$	15.619		
Tổng ngân sách cho hoạt động							\$	20.279		
Chi phí hỗ trợ cho dự án							\$	7.586		
9	0	1	1	Lương cho nhân viên DFs	Q3;4		\$	1.868		
9	0	1	1	Lợi ích cho nhân viên DFs	Q3;4		\$	1.168		
9	0	1	1	Lương cho quản lý và kế toán	Q3;4		\$	-		
9	0	1	1	Lợi ích cho quản lý và kế toán	Q3;4		\$	-		
9	0	1	1	Lương cho nhân viên thời vụ	Q3;4		\$	-		
9	0	1	1	Lợi ích cho nhân viên thời vụ	Q3;4		\$	-		
9	0	2	1	Phí bảo vệ văn phòng	Q3;4		\$	210		
9	0	2	1	Phí đi lại cho DFs, quản lý, kế toán, cán bộ hỗ trợ kỹ thuật vùng	Q3;4		\$	600		
9	0	2	1	Phí nhà nghỉ cho DFs, quản lý, kế toán, cán bộ hỗ trợ kỹ thuật vùng	Q3;4		\$	500		
9	0	2	1	Phí ăn uống cho DFs, quản lý, kế toán, cán bộ hỗ trợ kỹ thuật vùng	Q3;4		\$	500		
9	0	2	1	Phí internet văn phòng	Q3;4		\$	400		
9	0	2	1	Phí điện thoại văn phòng	Q3;4		\$	30		
9	0	2	1	Phí dọn vệ sinh văn phòng	Q3;4					
9	0	2	1	Phí xăng xe	Q3;4		\$	120		
9	0	2	1	Phí bưu điện	Q3;4		\$	20		
9	0	2	1	Chi phí in ấn, quảng cáo	Q3;4		\$	60		
9	0	2	1	Phí tiền điện	Q3;4		\$	200		
9	0	2	1	Chi phí văn phòng phẩm	Q3;4		\$	500		
9	0	2	1	Phí sửa xe	Q3;4					
9	0	2	1	Chi phí tiếp khách	Q3;4		\$	200		
9	0	2	1	Phí ngân hàng	Q3;4		\$	50		
9	0	2	1	01 máy tính xách tay cho quản lý	Q3;4		\$	1.160		
Chi phí gián tiếp							\$	2.623		
95.21.01				Chi phí hỗ trợ của dự án bảo trợ và bảo vệ trẻ em	Q3;4		\$	1.329		
95.21.01				Chi phí kỹ thuật của dự án bảo trợ và bảo vệ trẻ em	Q3;4		\$	827		
95.21.01				Chi phí vận hành của dự án bảo trợ và bảo vệ trẻ em	Q3;4		\$	225		
95.21.01				Chi phí vận hành của dự án bảo trợ và bảo vệ trẻ em	Q3;4		\$	242		
Tổng cộng ngân sách của dự án Bảo trợ và bảo vệ trẻ em							\$	30.488		
DỰ ÁN ỨNG PHÓ CỦA CÔNG ĐỒNG					Mã dự án: V204854					

Mục tiêu dự án 3				Tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng và hộ gia đình dễ dãi trên sinh kế trẻ em	Tỷ lệ hộ gia đình cung cấp tốt cho con cái của họ.				
Kết quả 3.1				Nâng cao năng lực của lãnh đạo cộng đồng và các thành viên tham gia vào việc phát triển và khả năng phục hồi.	Tỷ lệ ban Phát triển thôn trưởng thành				
					Tỷ lệ đóng góp của địa phương vào trong các hoạt động phát triển cộng đồng				
Đầu ra 3.1.1				Tăng cường cam kết của cộng đồng trong các nỗ lực phát triển cộng đồng	Sáng kiến cộng đồng giải quyết các nhu cầu của trẻ dễ bị tổn thương được thực hiện		4		
3	1	1	1	Xây dựng và thực hiện các Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (CDIs) nhằm giải quyết nhu cầu của trẻ dễ bị tổn thương bởi cộng đồng	Số sáng kiến cộng đồng được thực hiện	Q4	4		
Công việc 1				Hỗ trợ vật liệu xây dựng để nâng cấp hệ thống nước sạch cho trường mầm non tại thôn Đồng Phong, xã Phương Nghi	Số sáng kiến cộng đồng được thực hiện	Q4	1		\$ 1.200
Công việc 2				Hỗ trợ vật liệu để xây dựng hệ thống nước sạch cho trường mầm non Cán Khê, xã Cán Khê	Số sáng kiến cộng đồng được thực hiện	Q4	1	\$ 2.579	\$ 1.000
Công việc 3				Hỗ trợ vật liệu để xây dựng hệ thống nước sạch cho trạm Y tế xã Yên Lạc	Số sáng kiến cộng đồng được thực hiện	Q4	1		\$ 1.000
Công việc 4				Hỗ trợ vật liệu để xây dựng hệ thống nước uống sạch cho nhóm hộ dân thôn Quảng Đại, xã Xuân Thái	Số sáng kiến cộng đồng được thực hiện	Q4	1	\$ 2.580	\$ 800
3	1	1	2	Tổ chức các sự kiện họp phản hồi định kỳ tại cấp xã, huyện	Số cuộc họp	Q4	10		
Công việc 1				Tổ chức họp tổng kết năm tại cấp xã	Số cuộc họp	Q4	8	\$ 400	\$ 300
Công việc 2				Tổ chức họp tổng kết năm tại cấp huyện	Số cuộc họp	Q4	2	\$ 100	\$ 67
3	1	1	3	Xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giai đoạn 2018-2022 với sự tham gia của cộng đồng	Số cuộc họp	Q3	4		
Công việc 1				Tổ chức họp thôn (FGD)	Số người tham gia họp thôn (FGD)	Q3	24	\$ 240	\$ 120
Công việc 2				Tổ chức họp lập kế hoạch cấp xã	Số người tham gia họp	Q3	4	\$ 1.600	\$ 80
Công việc 3				Tổ chức họp lập kế hoạch cấp huyện	Số người tham gia họp	Q3	1	\$ 100	\$ 40
Tổng cộng đầu ra 3.1.1								\$ 7.599	

Đầu ra 3.1.2				Tăng cường kiến thức và kỹ năng hợp tác cho các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) /VDBs để duy trì quan hệ hợp tác với các bên liên quan	Số đối tác cộng đồng có kiến thức về quan hệ hợp tác	Q4	25		
3	1	2	1	Thiết lập ban Phát triển thôn bản	Số ban Phát triển thôn được thiết lập	Q3	4	\$ 400	\$ 30
3	1	2	2	Tập huấn về lập kế hoạch và giám sát có sự tham gia	Số thành viên ban Phát triển thôn được tham gia	Q4	25	\$ 1.500	\$ 250
3	1	2	3	Hỗ trợ các trang thiết bị cho ban Phát triển thôn (bàn ghế, tủ tài liệu, bảng quy chế, bảng kế hoạch...)	Số ban Phát triển thôn được hỗ trợ	Q4	25	\$ 2.698	\$ 250
				Tổng cộng đầu ra 3.2.1				\$ 4.598	
				Tổng cộng kết quả 3.1				\$ 12.197	
Kết quả 3.2				Hướng tới tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng địa phương để ứng phó với những cú sốc và thảm họa thiên tai	Tỷ lệ cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ đối mặt với thảm họa và có thể áp dụng một phương pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai hiệu quả hoặc có chiến lược đối phó tích cực				
Đầu ra 3.2.1				Nâng cao năng lực của đội phản ứng nhanh địa phương và khả năng phản ứng của Tâm Nhìn Thế Giới	Số đội phản ứng nhanh tại cộng đồng hoạt động hiệu quả		0		
				Tổng cộng đầu ra 3.2.1					
Đầu ra 3.2.2				Tăng cường Giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở trẻ em và thích ứng với biến đổi khí hậu (CF DRR-CCA)	Số trường học tập trung vào giảm nhẹ nguy cơ thảm họa Các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu		0		
				Tổng cộng đầu ra 3.2.2				\$ -	
				Tổng cộng kết quả 3.2				\$ -	
Tổng ngân sách cho hoạt động								\$ 12.197	
Chi phí gián tiếp								\$ 1.095	
95.21.01				Chi phí hỗ trợ của dự án ứng phó cộng đồng		Q 3;4		\$ 554	
95.21.01				Chi phí kỹ thuật của dự án ứng phó cộng đồng		Q 3;4		\$ 344	
95.21.01				Chi phí vận hành của dự án ứng phó cộng đồng		Q 3;4		\$ 95	
95.21.01				Chi phí vận hành của dự án ứng phó cộng đồng		Q 3;4		\$ 102	
Tổng cộng ngân sách của dự án ứng phó cộng đồng								\$ 13.292	
Tổng ngân sách của Chương trình năm 2017								\$ 50.000	\$ 10.950